

AFT-KEU.CN-UL-F.C.0-Au- 4 Giai đoạn lọc

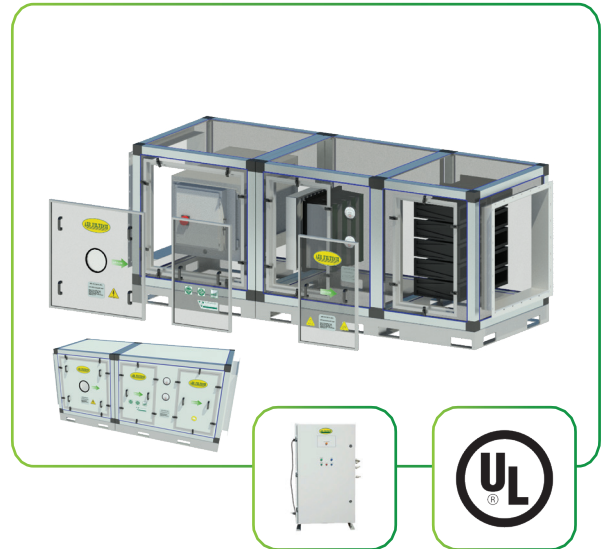
Bộ xử lý khí thải nhà bếp Air Filtech -KEU

04 giai đoạn: ESP + G4 + F7 + Carbon

Kèm thiết bị tự động làm sạch Autowash

Có chứng chỉ UL

- Các ngăn khử bụi bên trong được làm bằng nhôm, có khả năng chống ăn mòn và rỉ sét.
- Hệ thống điều khiển thông minh có thể thực hiện giám sát và điều khiển sản phẩm theo thời gian thực thông qua mạng từ xa.
- Bộ lọc khí Air Filtech G4, F7, Carbon, theo tiêu chuẩn ISO 16890/EN 779, UL 900 theo yêu cầu.
- Phân hạng năng lượng A+ cho Bộ lọc tinh (Eurovent) => tiết kiệm năng lượng.



Thông số kỹ thuật

Model		KEU.CN-2000UL-F.C.0-M*-Au	KEU.CN-4000UL-F.C.0-M*-Au	KEU.CN-6000UL-F.C.0-M*-Au	KEU.CN-8000UL-F.C.0-M*-Au	KEU.CN-10000UL-F.C.0-M*-Au
Lưu lượng khí định mức: N	m³/h	2000	4000	6000	8000	10000
Lưu lượng khí tối đa: M	m³/h	2600	4800	6400	9600	12800
Tổng chênh áp tại mức N/M (m²/h)	Pa	236/291	298/348	328/348	298/348	283/348
Kích thước WxHxD với Panel	mm	780x910x3040	1240x910x3040	1700x910x3040	2160x910x3040	2620x910x3040
Kích thước WxHxD với vật liệu khác	mm	645x775x2470	1105x775x2470	1565x775x2470	2025x775x2470	2485x775x2470
Trọng lượng thiết bị Panel/Vật liệu khác	Kg	347/258	468/368	590/479	740/618	885/752
Tổng điện năng tiêu thụ	W	52	68	83	96	125
Giai đoạn 1: Bộ lọc tĩnh điện ESP (bao gồm lưới lọc thô)						
Điện năng tiêu thụ	W	52	68	83	96	125
Nguồn điện		220/240 V 50 Hz 1ph				
Hiệu suất lọc, lên đến	%	95	95	95	95	95
Chênh áp tại N/M (m²/h)	Pa	30/40	30/40	30/40	30/40	30/40
Giai đoạn 2: Bộ lọc Air Filtech G4 – Sợi Polyester Chênh áp khuyến nghị: 200 Pa						
Kích thước x số lượng:	mmxpcs	594x594x46x01pcs	594x594x46x01pcs 289x594x46x01pcs	594x594x46x02pcs	594x594x46x03pcs	594x594x46x04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	59/77	79/102	79/102	79/102	74/96
Giai đoạn 3: Bộ lọc Air filtech F7 – Sợi thủy tinh Chênh áp khuyến nghị: 300 Pa						
Kích thước x số lượng:	mmxpcs	592x592x635x01pcs	592x592x635x01pcs 287x594x635x01pcs	592x592x635x02pcs	592x592x635x03pcs	592x592x635x04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	36/46	48/62	53/69	48/62	45/58
Giai đoạn 4: Bộ lọc than hoạt tính						
Kích thước x số lượng:	mmxpcs	300x150x440x08pcs	300x150x440x12pcs	300x150x440x16pcs	300x150x440x24pcs	300x150x440x32pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	91/118	121/146	136/146	121/146	114/146

M*: Vật liệu vỏ máy

P: Tấm Panel.

CSP: Thép sơn tĩnh điện

SS430: Inox 430

SS304: Inox 304

AFT-KEU.CN-UL-F.0.U-Au- 4 Giai đoạn lọc

Bộ xử lý khí thải nhà bếp Air Filtech -KEU

04 giai đoạn: ESP + G4 + F7 + UV

Kèm thiết bị tự động làm sạch Autowash

Có chứng chỉ UL

- Các ngăn khử bụi bên trong được làm bằng nhôm, có khả năng chống ăn mòn và rỉ sét.
- Hệ thống điều khiển thông minh có thể thực hiện giám sát và điều khiển sản phẩm theo thời gian thực thông qua mạng từ xa.
- Bộ lọc khí Air Filtech G4, F7, theo tiêu chuẩn ISO 16890/EN 779, UL 900 theo yêu cầu.
- Phân hạng năng lượng A+ cho Bộ lọc tinh (Eurovent) => tiết kiệm năng lượng.
- Đèn UV: Bức xạ UV-C sóng ngắn với đỉnh ở mức 253.7 nm (UV-C). Tuổi thọ dài 18,000 giờ.
- Lớp phủ bảo vệ bên trong đảm bảo đầu ra UV-C ổn định trong suốt toàn bộ tuổi thọ của đèn.



Thông số kỹ thuật

Model		KEU.CN-2000UL-F.0.U-M*-Au	KEU.CN-4000UL-F.0.U-M*-Au	KEU.CN-6000UL-F.0.U-M*-Au	KEU.CN-8000UL-F.0.U-M*-Au	KEU.CN-10000UL-F.0.U-M*-Au
Lưu lượng định mức với DOP 95%: N	m³/h	2000	4000	6000	8000	10000
Lưu lượng tối đa với DOP 90%: M	m³/h	2600	5200	7800	10400	13000
Tổng chênh áp tại mức N/M (m³/h)	Pa	185/240	217/281	232/301	217/281	209/271
Kích thước WxHxD với Panel	mm	780x910x3050	1240x910x3050	1700x910x3050	2160x910x3050	2620x910x3050
Kích thước WxHxD với vật liệu khác	mm	645x775x2480	1105x775x2480	1565x775x2480	2025x775x2480	2485x775x2480
Trọng lượng thiết bị Panel/Vật liệu khác	Kg	296/206	392/292	488/377	586/464	680/547
Tổng điện năng tiêu thụ	W	127	218	308	396	500
Giai đoạn 1: Lọc tĩnh điện ESP						
Điện năng tiêu thụ	W	52	68	83	96	125
Nguồn điện		220/240 V 50 Hz 1ph				
Hiệu suất lọc, lên đến	%	95	95	95	95	95
Chênh áp tại N/M (m³/h)	Pa	30/40	30/40	30/40	30/40	30/40
Giai đoạn 2: Lọc Air Filtech G4 – Sợi Polyester Chênh áp khuyến nghị: 200 Pa						
Kích thước x số lượng:	mmpcs	594x594x46x 01pcs	594x594x46x01pcs 289x594x46x01pcs	594x594x46x02pcs	594x594x46x03pcs	594x594x46x04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	59/77	79/102	89/115	79/102	74/96
Giai đoạn 3: Bộ lọc Air filtech F7 – Sợi thủy tinh Chênh áp khuyến nghị: 300 Pa						
Kích thước x số lượng:	mmpcs	592x592x635x01pcs	592x592x635x01pcs 287x592x635x01pcs	592x592x635x02pcs	592x592x635x03pcs	592x592x635x04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	36/46	48/62	53/69	48/62	45/58
Giai đoạn 4: Đèn UV (với cửa chớp chắn trước đèn UV)						
Điện năng tiêu thụ:	W	75	150	225	300	375
Số lượng đèn UV (25W):	pcs	3	6	9	12	15
Nguồn điện:		220/240 V 50 Hz 1ph				
Chênh áp tại N/M (m³/h):	Pa	40/67	40/67	40/67	40/67	40/67

M*: Vật liệu vỏ máy

P: Tấm Panel.

CSP: Thép sơn tĩnh điện

SS430: Inox 430

SS304: Inox 304

AFT-KEU.CN-UL-F.0.0-Au- 3 Giai đoạn lọc

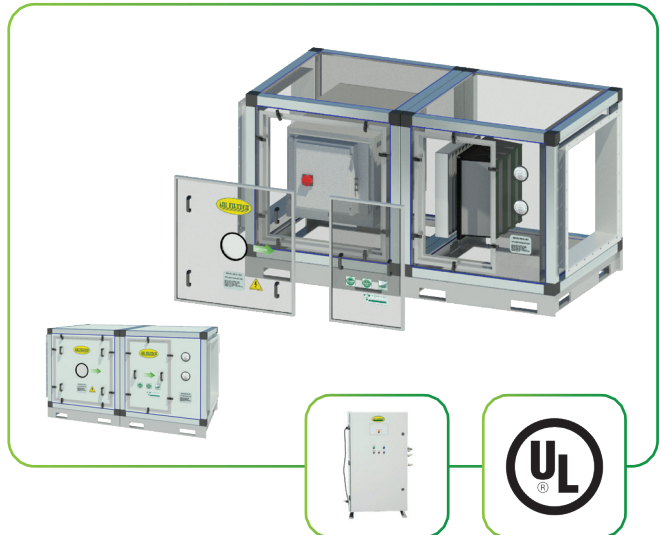
Bộ xử lý khí thải nhà bếp Air Filtech -KEU

03 giai đoạn: ESP + G4 + F7

Kèm thiết bị tự động làm sạch Autowash

Có chứng chỉ UL

- Các ngăn khử bụi bên trong được làm bằng nhôm, có khả năng chống ăn mòn và rỉ sét.
- Hệ thống điều khiển thông minh có thể thực hiện giám sát và điều khiển sản phẩm theo thời gian thực thông qua mạng từ xa.
- Bộ lọc khí Air Filtech G4, F7, theo tiêu chuẩn ISO 16890/EN 779, UL 900 theo yêu cầu.
- Phân hạng năng lượng A+ cho Bộ lọc tinh (Eurovent)
=> tiết kiệm năng lượng.



Thông số kỹ thuật

Model		KEU.CN-2000UL-F.0.0-M*-Au	KEU.CN-4000UL-F.0.0-M*-Au	KEU.CN-6000UL-F.0.0-M*-Au	KEU.CN-8000UL-F.0.0-M*-Au	KEU.CN-10000UL-F.0.0-M*-Au
Lưu lượng định mức với DOP 95%: N	m³/h	2000	4000	6000	8000	10000
Lưu lượng tối đa với DOP 90%: M	m³/h	2600	5200	7800	10400	13000
Tổng chênh áp tại mức N/M (m³/h)	Pa	145/173	177/214	192/234	177/214	169/204
Kích thước WxHxD với Panel	mm	780x910x2550	1240x910x2550	1700x910x2550	2160x910x2550	2620x910x2550
Kích thước WxHxD với vật liệu khác	mm	645x775x1980	1105x775x1980	1565x775x1980	2025x775x1980	2485x775x1980
Trọng lượng thiết bị Panel/Vật liệu khác	Kg	272/185	363/264	454/342	547/422	635/498
Tổng điện năng tiêu thụ	W	52	68	83	96	125
Giai đoạn 1: Lọc tĩnh điện ESP						
Điện năng tiêu thụ	W	52	68	83	96	125
Nguồn điện		220/240 V 50 Hz 1ph				
Hiệu suất lọc, lên đến	%	95	95	95	95	95
Chênh áp tại N/M (m³/h)	Pa	30/40	30/40	30/40	30/40	30/40
Giai đoạn 2: Lọc Air Filtech G4 – Sợi Polyester Chênh áp khuyến nghị: 200 Pa						
Kích thước x số lượng:	mm x pcs	594x594x46x01pcs	594x594x46x01pcs 289x594x46x01pcs	594x594x46x02pcs	594x594x46x03pcs	594x594x46x04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	59/77	79/102	89/115	79/102	74/96
Giai đoạn 3: Lọc Air filtech F7 – Sợi thủy tinh Chênh áp khuyến nghị: 300 Pa						
Kích thước x số lượng:	mm x pcs	592x592x635x01pcs	592x592x635x01pcs 287x592x635x01pcs	592x592x635x02pcs	592x592x635x03pcs	592x592x635x04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	36/46	48/62	53/69	48/62	45/58

M*: Vật liệu vỏ máy

P: Tấm Panel.

CSP: Thép sơn tĩnh điện

SS430: Inox 430

SS304: Inox 304